

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 12 - 2022

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hường
Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 641/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Thị M, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bào Trung T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh C .. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2007, ngày 26.02.2007). Quá trình chung sống có 2 con chung tên Bào Yến L, sinh ngày 25/01/2008 và Bào Quốc D sinh ngày 11.9.2013, con chung hiện chị M đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với Bào Trung T.

Về tài chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn Bào Trung T:

Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, nhưng bị đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị M và anh T không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M đã xác định không còn hạnh phúc với anh T. Đối với bị đơn anh T Tòa án đã triệu tập 2 lần để hòa giải nhưng anh T không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị M xin ly hôn, như vậy chứng tỏ anh T không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị M. Do đó xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T không có thiện chí hàng gần được nữa, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bào Yến L, sinh ngày 25/01/2007 và Bào Quốc D sinh ngày 11.9.2013, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 5.12.2022 các cháu có nguyện vọng sống với chị M và chị M cũng yêu cầu được nuôi các cháu L và D và xác định đủ điều kiện nuôi dạy các con. Hơn nữa từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay chị M nuôi dạy các cháu chu đáo. Do đó chấp nhận giao các con chung Bào Yến L và Bào Quốc D cho chị M nuôi dạy là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm nom chăm sóc con chung: Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu L và D được sống với chị M là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Do nguyên đơn cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện chưa ghi nhận được ý kiến củ bị đơn nên Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung và nợ chung ra khi nào các đương sự yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] *Xét về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngô Thị M

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị M và anh Bào Trung T.

Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị M có trách nhiệm nuôi cháu Bào Yến L, sinh ngày 25/01/2007 và Bào Quốc D sinh ngày 11.9.2013 (cháu L và D hiện chị M đang trực tiếp nuôi dạy). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu L và D được sống với chị M.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005518 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đổi trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thờ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung